TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự lo - Hạnh Phúc

Bản án: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 /12 / 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân : 1.Ông Nguyễn Văn Khôi; 2. Ông Vi Quang Thái

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Thiện – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà***: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXX- ST ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Bàn Thị C, sinh năm 1997; có mặt
Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị đơn:** Anh Triệu Dư T, sinh năm 1989
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.
Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị C trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Triệu Dư T vào ngày 15/5/2015, trước khi cưới không tìm hiểu nhưng tự nguyện lấy nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện S; cưới xong chị về gia đình anh T ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 04/2016, do không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai hay cãi nhau nhiều lần và anh T không quan tâm đến vợ con; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai nữa; từ ngày vợ chồng sống ly thân chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cùng cháu Q cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Triệu Dư T được ly hôn nhau.

b) Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Triệu Sinh Q, sinh ngày 08/3/2016; hiện cháu đang ở cùng chị từ ngày vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nếu ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục xin nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con chị không có yêu cầu. Hiện chị đang làm công ty có mức thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng, chị bảo đảm việc nuôi con chung.

c) Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Triệu Dư T trình bày tại biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Bàn Thị C vào năm 2015, trước khi cưới hai bên tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn T, huyện S; cưới xong chị C về gia đình anh ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban dầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ cuối năm 2017, do chị C tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở không nói lý do, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C xin ly hôn anh nhất trí.

b) Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Triệu Sinh Q, sinh ngày 08/3/2016, nếu ly hôn anh cũng có nguyện vọng xin được nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con anh không có yêu cầu. Hiện anh đang làm nghề lái xe ô tô có mức thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng, anh bảo đảm việc nuôi con chung.

c) Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị Bàn Thị C vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Triệu Dư T được ly hôn theo quy định của pháp luật; chị đề nghị được xin nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu.

* Kiểm sát viên phát biểu:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ theo pháp luật quy định, bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ là vi phạm pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Triệu Dư T và chị Bàn Thị C được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Bàn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu Triệu Sinh Q, sinh ngày 08/3/2016; Về cấp dưỡng nuôi con chị Cúc không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T, chị C không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bàn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng:

Chị Bàn Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Triệu Dư T, bị đơn anh T đang cư trú tại huyện S. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị C thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, bị đơn anh T không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ là vi phạm trong việc chấp hành pháp luật.

Bị đơn anh Triệu Dư T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/ Về nội dung:

a) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Bàn Thị C, bị đơn anh Triệu Dư T và những tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình, có cơ sở xác định: Chị Bàn Thị C kết hôn với anh Triệu Dư T vào năm 2015 trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là

thị trấn T) số 04 ngày 15/5/2015; cưới xong chị C về ở cùng gia đình anh T ở luôn, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C là hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra từ tháng 4/2016, do tính cách sống không hợp nhau, không quan tâm đến nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên vợ chồng cãi nhau nhiều lần,vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh Triệu Dư T được ly hôn nhau, anh T đồng ý ly hôn chị C theo biên bản ghi lời khai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T đã kéo dài trầm trọng, cả hai bên sống ly thân thời gian không đoàn tụ được, không thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc đến nhau và cùng nhau chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình; do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

b) Về con chung: Anh T và chị C có 01 con chung là Triệu Sinh Q, sinh ngày 08/3/2016; hiện nay cháu đang ở cùng chị C; nếu ly hôn anh T và chị C đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con không ai có yêu cầu. Xét thấy nguyện vọng của anh T và chị C yêu cầu được nuôi con là chính đáng, Hiện cháu Q đang ở cùng chị C từ ngày vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị C nuôi dưỡng đảm bảo; nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của cháu nên cần tiếp tục giao cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu Triệu Sinh Q. Về cấp dưỡng nuôi con chị C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

c) Về tài sản: Anh T, chị C đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

d) Về án phí: Chị Bàn Thị C yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Triệu Dư T và chị Bàn Thị C được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Bàn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu Triệu Sinh Q, sinh ngày 08/3/2016. Về cấp dưỡng nuôi con chị C không có yêu cầu.

Anh T có quyền thăm nom con sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này của anh T.

[3] Về án phí: Chị Bàn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số AA/2010/007237, ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn T;
- Lưu **.**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn